

Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với thu nhập và an ninh lương thực của hộ dân (nghiên cứu trường hợp hộ có người lao động di cư ở vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế)

Lê Thị Hoa Sen*, Trần Thị Ánh Nguyệt**, Nguyễn Trần Tiểu Phụng***, Nguyễn Quang Phục****

Nhận ngày 28 tháng 6 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 13 tháng 9 năm 2022.

Tóm tắt: Nghiên cứu này¹ được tiến hành từ tháng 2-6/2022 ở địa bàn 5 xã ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế nhằm đánh giá ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với thu nhập và an ninh lương thực của hộ có lao động di cư trở về. Có 298 hộ có lao động trên 18 tuổi trở về do đại dịch tham gia cung cấp thông tin. Kết quả cho thấy, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến thu nhập và an ninh lương thực của tất cả các hộ có lao động di cư trở về. Trên 51% số hộ bị giảm thu nhập từ 25-50% và 33,3% số hộ giảm 50-70% thu nhập. Số hộ có trẻ em suy giảm an ninh lương thực ở mức 3 và 4 theo thang đo của Bộ Nông nghiệp Mỹ, cao hơn hẳn so với số hộ không có trẻ em. Kết quả nghiên cứu cần được xem xét để tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ đảm bảo an ninh lương thực và ổn định sinh kế hộ trước các tác động của đại dịch cũng như các cú sốc khác.

Từ khoá: Lao động di cư, cộng đồng ven biển, Covid-19, an ninh lương thực, thu nhập, đại dịch.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: This study was conducted from February to June 2022 in five coastal communes of Thừa Thiên Huế province to assess impacts of the COVID-19 pandemic on the income and food security of households that have migrant workers returning home. There are 298 households with migrant workers over 18 years old returning due to the pandemic were randomly selected to provide information for this study. Results show that the COVID-19 pandemic has affected the income and food security of all households in the study. Over 51% of households have their income reduced by 25-50% and 33.3% of households have 50-70% income reduction. The number of households with children suffer food insecurity at level 3 and level 4 on the scale of the US Department of Agriculture, much higher than that of households without children. The research results should be considered to the implementation of programs ensuring food security and stabilizing household livelihoods against the impacts of the pandemic as well as other shocks.

Key words: Migration workers, coastal community, COVID-19, food security, income, pandemic

Subject classification: Sociology

1. Đặt vấn đề

Tác động của đại dịch Covid-19 đối với kinh tế và xã hội là chủ đề nghiên cứu thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học và các tổ chức phát triển trong và ngoài nước trong thời gian gần đây (Paul et al., 2021; UNDP Việt Nam, 2020). Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng đại dịch Covid-19 đã tác động rất lớn đối với nền kinh tế toàn cầu. Các tác động thể hiện ở tất cả các lĩnh vực, từ công nghiệp, xây dựng,

*, **, *** Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

Email: sen.lethiho@huaf.edu.vn

**** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số: 04-2021.ĐX.

kinh doanh, dịch vụ, du lịch đến sản xuất nông nghiệp. Báo cáo đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đối với nghèo đói ở nông thôn trên phạm vi toàn cầu do Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) thực hiện năm 2020 cũng cho thấy rằng tác động kinh tế - xã hội của đại dịch này được thể hiện rõ nét ở khu vực thành thị và lan nhanh đến các vùng nông thôn (FAO, 2020). Tuy nhiên, người dân nông thôn phải gánh chịu những tác động kinh tế - xã hội nặng nề, đặc biệt là những vùng có phần lớn lao động di cư ra thành phố. Ở Trung Quốc, chỉ sau một tháng phong tỏa, kinh tế Trung Quốc đã mất đi 100 tỉ đô la thu nhập của những lao động làm thuê từ khu vực nông thôn. Nghiên cứu của Muller et al. (2021) ở Mỹ cũng khẳng định rằng người dân nông thôn ở vùng Tây Nam nước Mỹ là nhóm dễ bị tổn thương nhất trước tác động của đại dịch Covid-19, tính tổn thương càng nhân lên gấp bội đối với những nhóm người vốn đã bị tổn thương với các tác động của thay đổi môi trường, biến đổi khí hậu và an ninh lương thực.

Ở Việt Nam, từ lúc bùng phát dịch Covid-19 vào đầu năm 2020 đến nay, có rất nhiều các tổ chức như FAO, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF), Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UN Việt Nam), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), các viện nghiên cứu và trường đại học đã thực hiện các nghiên cứu liên quan đến tác động của đại dịch đối với kinh tế - xã hội và hỗ trợ các cơ quan nhà nước đưa ra các giải pháp chính sách phù hợp (UNDP Vietnam, 2020; JICA và NEU - National Economic University, 2020). Tuy nhiên, các nghiên cứu tập trung vào đánh giá tác động của đại dịch đối với thu nhập và việc làm của người dân trên diện rộng theo vùng, lãnh thổ. Có rất ít các nghiên cứu được tiến hành đối với những nhóm cộng đồng cụ thể, đặc biệt là những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương và ở khía cạnh an ninh lương thực. Nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với thu nhập và an ninh lương thực của hộ gia đình có lao động di cư trở về do đại dịch Covid-19 ở vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên - Huế. Đây là nhóm đối tượng vốn rất dễ bị tổn thương bởi các biến động về môi trường và khí hậu (Huynh Thi Anh Phuong et al, 2021; Nguyễn Ngọc Truyền và các cộng sự, 2021, tr.2075-2084).

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Điểm nghiên cứu được chọn là các xã vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là các xã ven biển có nhiều lao động di cư, đặc biệt từ sau năm 2016 đến nay do ảnh hưởng của thảm họa môi trường biển 2016 đối với hoạt động sinh kế của hộ (Nguyễn Ngọc Truyền và các cộng sự, 2021, tr.2075-2084). Ngoài ra, vùng ven biển của tỉnh cũng là nơi được xem có tính tổn thương cao trước tác động ngày càng gia tăng của thiên tai và biến đổi khí hậu (Huynh Thi Anh Phuong et al, 2021). Giai đoạn 2017-2020, có đến 27 xã vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế nằm trong danh mục các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang và ven biển được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Từ kết quả làm việc với lãnh đạo Sở Lao động và Thương binh xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế, 5 xã ven biển của tỉnh được chọn làm địa bàn nghiên cứu. Tiêu chí chọn xã nghiên cứu là xã thuộc diện bãi ngang, có số lao động di cư trở về quê do đại dịch Covid-19 cao. Hộ nghiên cứu được chọn dựa trên danh sách người lao động (trên 18 tuổi) di cư trở về trong thời gian cao điểm của đại dịch và có đăng ký khi vào địa phận của tỉnh. Danh sách do Sở Thông tin và Truyền thông của tỉnh cung cấp. Hộ nghiên cứu được chọn ngẫu nhiên, bắt đầu từ hộ đầu tiên trong danh sách và cách 5 hộ chọn 1 hộ để phỏng vấn. Trường hợp các hộ bị nhiễm Covid-19 tại thời điểm phỏng vấn sẽ bỏ qua để chọn hộ tiếp theo trong danh sách. Tổng số hộ đã điều tra là 298 hộ.

Làn sóng người lao động di cư trở về các tỉnh miền Trung cao điểm từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2021, nhưng đến tháng 2 năm 2022, nghiên cứu mới có thể triển khai do tình hình dịch bệnh tại tỉnh Thừa Thiên Huế diễn biến rất phức tạp. Việc chọn hộ nghiên cứu cũng phụ thuộc vào diễn biến dịch bệnh và cơ chế kiểm soát của từng xã ở địa bàn nghiên cứu.

2.2. Phương pháp thu thập thông tin

Thông tin thứ cấp được thu thập qua các báo cáo liên quan đến tình trạng di cư lao động, tác động của đại dịch Covid-19 đối với sinh kế và các thông tin liên quan từ các cơ quan ban ngành của tỉnh Thừa Thiên Huế, cùng các bài báo khoa học về tác động của đại dịch Covid-19 được xuất bản trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế. Thông tin nguyên cấp được thu thập qua phỏng vấn hộ bằng bảng hỏi bán cấu trúc, với hơn 40 tiêu chí về vốn sinh kế của hộ, thu nhập của hộ và tình trạng an ninh lương thực của hộ trong bối cảnh dịch Covid-19 xảy ra. Tình trạng an ninh lương thực của hộ được đánh giá bằng bộ chỉ số gồm 18 tiêu chí do Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (US Department of Agriculture - USDA) xây dựng. Đối với những hộ có trẻ em (dưới 18 tuổi), tất cả 18 tiêu chí được sử dụng. Đối với hộ không có trẻ em, chỉ 10 tiêu chí được sử dụng để đánh giá. Việc đo đếm và tính toán giá trị của các chỉ số an ninh lương thực của hộ được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp Mỹ (Gary, B et al., 2000).

2.3. Phương pháp phân tích thông tin

Thông tin thu thập được phân tích bằng các phương pháp thống kê mô tả, gồm tần suất, giá trị trung bình và tỉ lệ %. Các chỉ tiêu về thu nhập, biến động thu nhập do ảnh hưởng của Covid-19 và tình trạng an ninh lương thực được đánh giá và so sánh giữa các nhóm hộ có trẻ em và nhóm hộ không có trẻ em. Bộ tiêu chí đánh giá an toàn lương thực được đo bằng thang đo Likert, được kiểm chứng độ tin cậy Cronbach alpha trước khi tính trung bình điểm an toàn. Tổng điểm bình quân của các tiêu chí được chia theo 4 cấp độ (Yazdanpanah et al, 2021), gồm: cấp 1 (không ảnh hưởng): đảm bảo an toàn lương thực: ≤ 2.32 ; cấp 2 (ảnh hưởng ít): không đảm bảo an ninh lương thực nhưng không đói: $2.32 - \leq 4.56$; cấp 3 (ảnh hưởng nhiều): không đảm bảo an ninh lương thực, đói: $4.56 - \leq 6.53$; và cấp 4 (ảnh hưởng nghiêm trọng): không tiếp cận được lương thực, rất đói: ≥ 6.53 .

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tình trạng di cư và nguồn lực sinh kế của địa bàn nghiên cứu

Tỉnh Thừa Thiên Huế có bờ biển dài 128 km, bao gồm khoảng 20 km bờ đá thuộc vịnh Lăng Cô - Sơn Trà và hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai với nhiều giá trị lớn về cảnh quan và đa dạng sinh học. Vùng ven biển của tỉnh bao gồm 39 xã thuộc 4 huyện Phú Lộc, Phú Vang, Quảng Điền, Phong Điền và thành phố Huế. Theo dữ liệu của Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020, tổng diện tích đất tự nhiên của các xã ven biển vào khoảng 99,890 km², trong đó 54,6 nghìn ha diện tích đất trồng trọt, 6.299 ha diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản. Tổng dân số của các xã ven biển năm 2021 vào khoảng 165.560 người, trong đó 82,78 nghìn người nằm trong độ tuổi lao động. Khoảng 32% số hộ với 37,56 nghìn lao động tham gia ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Thu nhập từ nông nghiệp chiếm 19,8%; nuôi trồng thủy sản (NTTS) và đánh bắt thủy sản chiếm khoảng 31,7% tổng thu nhập. Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do nguồn tài nguyên đất hạn hẹp, kém màu mỡ, chủ yếu là đất cát nghèo dinh dưỡng và chịu tác động ngày càng gia tăng của hạn và xâm nhập mặn (Huynh Thị Anh Phuong et al, 2021). Tỉ lệ hộ nghèo bình quân của các xã ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2021 là 8,57%, rất cao so với tỉ lệ hộ nghèo toàn tỉnh (2,99%), trong đó xã có tỉ lệ hộ nghèo cao nhất là Lộc Bình- 21,02% (Cục Thống kê Thừa Thiên Huế, 2022).

Hoạt động sinh kế ngày càng gặp nhiều rủi ro nên tỉ lệ lao động di cư vào Nam ở địa bàn nghiên cứu ngày càng gia tăng. Di cư lao động được xem là một chiến lược sinh kế thích ứng với các rủi ro do tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt sau sự cố môi trường biển năm 2016 (Nguyễn Ngọc Truyền và các cộng sự, 2021, tr.2075-2084). Ước tính, lao động di cư thuộc 39 xã ven biển của tỉnh Thừa Thiên Huế lên đến khoảng 42,5 ngàn người lao động trong giai đoạn 2016-2022 (Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế, 2022). Đến tháng 8/2021, có khoảng 55% số lao động trở về quê do ảnh hưởng của đại dịch.

3.2. Đặc điểm nhân khẩu của lao động di cư và hộ nghiên cứu

Nhân khẩu học là yếu tố mang tính quyết định lớn đối với sinh kế hộ (Bôi và các cộng sự, 2012, tr.251-260). Các chỉ số về nhân khẩu học của hộ thường được các nghiên cứu tập trung phân tích gồm giới tính của chủ hộ, tuổi, trình độ học vấn và kinh nghiệm sản xuất của chủ hộ. Trong nghiên cứu này, các chỉ số nhân khẩu học được phân tích cho cả chủ hộ và người lao động di cư trở về địa phương do đại dịch.

Tỉ lệ nam là chủ hộ tham gia nghiên cứu cao hơn hẳn nữ, tương ứng với 78,9% và 21,1% (Bảng 1). Nghiên cứu triển khai thu thập số liệu rơi vào giai đoạn các xã ven biển đều đang thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 nghiêm ngặt, hạn chế đi lại, nên hầu hết các thành viên của hộ có mặt, tuy nhiên, nam giới thường là người chủ hộ và đại diện để cung cấp thông tin. Một số (12%) số người tham gia phỏng vấn là người lao động di cư trở về và họ cũng chính là chủ hộ. Độ tuổi trung bình của chủ hộ được phỏng vấn khoảng 57 tuổi. Độ tuổi này khá lớn, bởi hầu hết họ là những người đã có con là lao động di cư. Khoảng 43,5% người được hỏi đã học hết cấp 2, tuy nhiên một tỉ lệ rất cao (35%) những người được hỏi chỉ học cấp 1. Trong khi đó, lao động di cư có trình độ học vấn cao hơn hẳn, với 49% lao động học hết cấp 3 và 41,6 % học hết cấp 2. Độ tuổi trung bình của người di cư khoảng 35 tuổi, với độ lệch chuẩn khá lớn - 10,93. Một điều rất thú vị là tỉ lệ nữ lao động di cư trở về nhiều hơn hẳn lao động nam, tương ứng với 59,1% nữ và 40,9% nam. Số năm các lao động của hộ rời quê vào miền Nam lao động trung bình là 8,5 năm. Tỉ lệ hộ nghiên cứu có trẻ em chiếm 70,13%.

Bảng 1: Một số đặc điểm nhân khẩu của lao động di cư và hộ nghiên cứu.

STT	Chỉ số	Trung bình (n= 297)	Tỉ lệ %
1	Tuổi chủ hộ	56,79 (10,57)	
2	Giới tính chủ hộ		
	Nam		78,9
	Nữ		21,1
3	Trình độ học vấn của chủ hộ	7,12 (2,93)	
	Cấp 1		35,0
	Cấp 2		43,5
	Cấp 3		21,5
4	Tuổi của lao động di cư	34,58 (10,93)	
5	Giới tính của lao động di cư		
	Nam		40,9
	Nữ		59,1
6	Trình độ học vấn của lao động di cư	9,34 (2,76)	
	Cấp 1		9,4
	Cấp 2		41,6
	Cấp 3		49,0
	Số năm di cư lao động	8,5 (7,5)	
7	Số khẩu của hộ	3,26 (1,66)	
8	Hộ có trẻ em		70,13

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm tác giả, năm 2022.

3.3. Nguồn lực sinh kế của hộ nghiên cứu

Đất đai, lao động và tài chính là ba nguồn lực quyết định đối với sinh kế của hộ dân nông thôn (Dai, X. et al, 2020). Trong phạm vi các hộ nghiên cứu, số hộ có đất nông nghiệp chiếm tỉ lệ thấp,

với 31,2% (93 hộ) và diện tích đất nông nghiệp bình quân của mỗi hộ cũng rất hạn chế, với khoảng 0,22 ha/ hộ (Bảng 2). Bình quân mỗi hộ có khoảng 3 nguồn thu, trong đó các nguồn thu phổ biến gồm nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lao động di cư gửi về và kinh doanh buôn bán nhỏ. Nuôi trồng thủy sản là nguồn thu nhập quan trọng đối với cộng đồng dân cư ven biển. Tuy nhiên, chỉ một tỉ lệ nhỏ (chỉ 30 hộ ~10,1%) các hộ nghiên cứu có diện tích ao hồ hoặc mặt nước nuôi trồng thủy sản. Đặc biệt, không có hộ nào trong mẫu nghiên cứu tham gia vào đánh bắt thủy sản. Một trong những lý do khiến tỉ lệ hộ tham gia nuôi trồng và đánh bắt thủy sản thấp có thể là không có lao động chính ở địa phương. Lao động chính của hộ là lao động di cư. Điều này cũng rất hợp lý, bởi kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có đến 65,8% số hộ tham gia có sinh kế phụ thuộc vào tiền gửi về của lao động di cư. Bình quân nguồn thu của hộ từ lao động di cư trong những năm trước dịch xảy ra vào khoảng 83,23 triệu đồng/ hộ/ năm, chiếm hơn 57 % thu nhập bình quân trong năm của hộ nghiên cứu.

Bảng 2: Một số chỉ tiêu về nguồn lực sinh kế của hộ nghiên cứu.

STT	Chỉ số	Đơn vị	Giá trị trung bình
1	Diện tích đất nông nghiệp (n= 93)	ha	0,22 (0,99)
2	Diện tích mặt nước, ao hồ nuôi trồng thủy sản (n=30)	ha	0,37 (0,78)
3	Số nguồn thu của hộ	Nguồn	3,21 (1,13)
4	Mức thu nhập của hộ	Triệu	144,28 (32,68)
	2019	đồng/năm	142,60 (36,50)
	2020		146.65 (43.98)
	2021		110.11 (25.84)
5	Thu nhập từ tiền lao động gửi về (n=196)		83,23 (12,97)
6	Mức thu nhập của lao động di cư		
	Dưới 3 triệu	Tỉ lệ % hộ	13,1
	3-5 triệu	(n=298)	18,5
	5-10 triệu		41,9
	10-15 triệu		22,1
	Trên 15 triệu		4,0

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm tác giả, năm 2022.

Mức thu nhập của các lao động di cư có sự biến động đáng kể từ dưới 5 triệu đến trên 15 triệu đồng mỗi tháng. Gần 42% lao động thuộc các hộ nghiên cứu có thu nhập trong khoảng 5-10 triệu/ tháng và 22,1% lao động có thu nhập 10-15 triệu mỗi tháng. Tỉ lệ rất nhỏ (4%) lao động có mức thu nhập trên 15 triệu. Kết quả phỏng vấn sâu người di cư và chủ hộ nghiên cứu cho thấy mức thu nhập phụ thuộc vào trình độ học vấn và kỹ năng tay nghề. Người có trình độ cao và (hoặc) tay nghề tốt thì lương sẽ cao hơn những người trình độ thấp, tay nghề kém. Lao động trình độ thấp, không có tay nghề thường là lao động tự do, công việc bấp bênh. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy, mức lương dưới 5 triệu là những lao động làm thuê cho các chủ kinh doanh nhỏ lẻ, nơi mà người lao động đã được bao cấp ăn và có thể có chỗ ở. Tuy nhiên, với mức lương ở trên, người lao động rất khó khăn, cuộc sống chật vật ở những khu vực đô thị miền Nam. Bên cạnh đó, hầu hết lao động trở về trong thời cao điểm của đại dịch là những lao động phải chịu trách nhiệm cao với gia đình ở quê. Họ chấp nhận cuộc sống khó khăn, lao động tăng ca, tiết kiệm để gửi về quê cho gia đình. Do đó, khi đại dịch xảy ra, những lao động này có thể là đối tượng rủi ro nhất, dễ bị tổn thương nhất và tổn thương về sinh kế không chỉ của bản thân họ mà còn ảnh hưởng đến sinh kế của gia đình ở quê.

3.4. Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với thu nhập của hộ có người lao động di cư trở về

Kết quả khảo sát cho thấy rằng, tất cả các hộ tham gia nghiên cứu đều bị tổn thương sinh kế do tác động của đại dịch Covid-19. Thu nhập của hộ giảm đáng kể. Trên 51 % số hộ nghiên cứu giảm thu nhập từ 25% đến 50% trong thời gian dịch bệnh xảy ra. Có đến 33,3% hộ giảm thu nhập từ 50-75% và 6,4% giảm trên 75% thu nhập (Biểu đồ 1). Kết quả khảo sát cũng cho thấy, những hộ giảm thu nhập trên 75% là những hộ có ít nguồn thu và phụ thuộc lớn vào lao động di cư. Thu nhập của hộ giảm nhiều nhất là từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 2 năm 2022. Trong khoảng thời gian này, dịch bệnh diễn biến phức tạp, số ca mắc mới hàng ngày lên trên 1.000 và tăng nhanh chóng lên hàng chục nghìn mỗi ngày, nên rất nhiều địa phương trên cả nước áp dụng các lệnh phong tỏa nghiêm ngặt, hạn chế đi lại. Đây cũng là thời điểm lao động miền Nam đã nghỉ việc một số tháng và lo sợ rủi ro nên cùng nhau trở về quê, tạo ra các làn sóng di cư ngược.

Các biện pháp phòng chống dịch nghiêm ngặt đã làm đứt gãy các nguồn cung và cầu hàng hoá trên thị trường nội địa và quốc tế; công nhân nhiễm bệnh; chi phí phòng chống dịch bệnh tăng cao nên các nhà máy đóng cửa hoặc giảm công suất; các chủ doanh nghiệp phải cắt hợp đồng hoặc cho nhân viên nghỉ việc không thời hạn, do đó, người lao động phải đối mặt với tình trạng mất việc hoặc giảm thời gian làm, kéo theo đó là thu nhập của lao động giảm. Trong phạm vi nghiên cứu này, số lao động mất việc trở về quê chiếm đến 8,2% (Bảng 3). Đây là nhóm đối tượng làm việc cho các nhà máy liên doanh sản xuất các mặt hàng xuất khẩu với công việc thủ công như may mặc, da giày, lắp ráp điện thoại có hợp đồng ngắn hạn. Số lao động nghỉ việc không lương chiếm 26,5% và nghỉ giãn việc chiếm nhiều nhất - với 33,9%, hầu hết là những lao động tự do, làm thuê nhiều công việc khác nhau. Có 5,6% lao động trở về cho rằng công việc không thay đổi. Nhóm đối tượng này chủ yếu là những đôi vợ chồng lao động trẻ, có trình độ cao, làm việc cho các công ty phần mềm. Công việc của họ không bị ảnh hưởng và thậm chí có tăng lên do tính chất công việc chỉ cần làm trên nền tảng internet và nhu cầu xã hội đối với các dịch vụ liên quan đến internet cao hơn, khi đại dịch xảy ra. Tuy nhiên, họ phải quay về quê trong mùa dịch mới có thể tiếp tục công việc, do con cái không đến trường và không có người chăm sóc.

Bảng 3: Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với việc làm của lao động di cư.

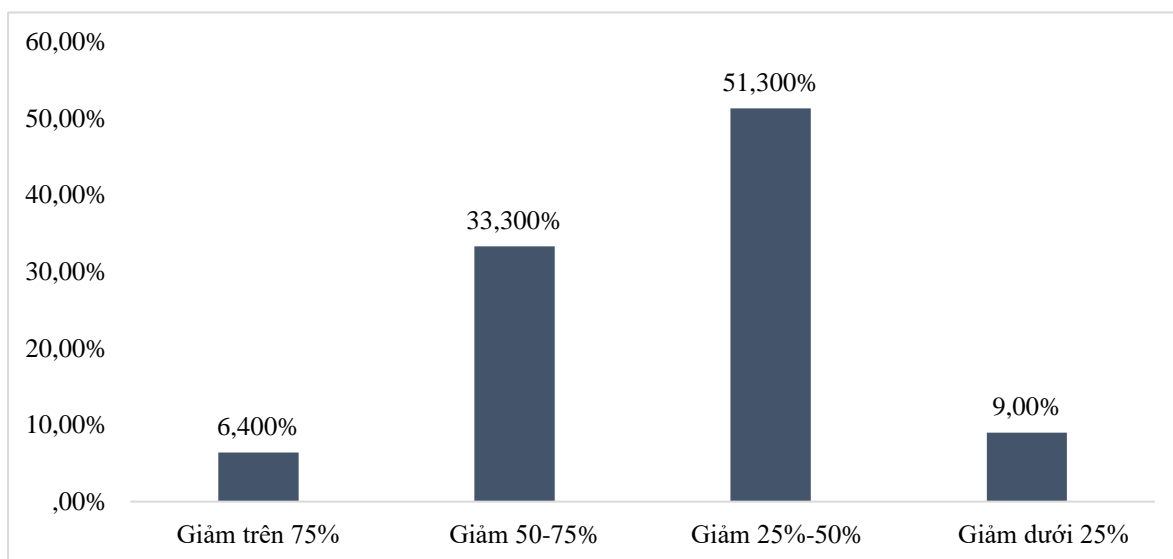
STT	Chỉ số	Tỉ lệ %
1	Mất việc làm	8,2
2	Nghỉ việc không lương	26,5
3	Nghỉ giãn việc	33,9
4	Giảm giờ làm trong ngày	25,8
5	Không thay đổi	5,6

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm tác giả, năm 2022.

Chị N.T.L ở xã Hương Phong cho biết: “Ở miền Nam, công việc chính của tôi là giúp việc cho nhà hàng, quán ăn. Từ lúc dịch Covid-19 xảy ra năm 2020, việc làm bấp bênh. Từ tháng 8 năm 2020 đến tháng Tư năm 2021, thời gian làm việc chỉ còn một nửa so với trước. Một ngày làm, một ngày nghỉ. Có khi nghỉ liên tục cả tuần. Theo đó thu nhập cũng giảm dần. Đến tháng 5 năm 2021 thì nghỉ hoàn toàn và không có thu nhập. Vì phải lo gửi tiền về quê để lo cho ông bà và con gái, nên tháng nào nhận lương gửi về tháng đó. Bản thân cũng không tích lũy được nhiều, nên khi dịch xảy ra hết sức hoang mang. Trong bối cảnh đó, trở về quê là con đường duy nhất và an toàn nhất”.

Biểu đồ 1: Mức giảm thu nhập của các hộ nghiên cứu.

% hộ



Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm tác giả, năm 2022.

Kết quả phân tích ở Bảng 4 cho thấy thu nhập của hộ giảm không chỉ do giảm từ nguồn thu do lao động làm ăn xa gửi về, mà còn giảm do nhiều nguyên nhân khác. Bảng 4 thể hiện ít nhất 6 lý do làm giảm thu nhập của hộ do tác động của đại dịch Covid-19. Lý do nhiều hộ đồng ý nhất là giảm tiền gửi về từ lao động làm ăn xa (75% số hộ). Lý do tiếp theo là giảm thu từ sản xuất nông nghiệp, với 60% số hộ đồng ý. Do dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhiều địa phương áp dụng các biện pháp phòng chống dịch nghiêm ngặt như phong tỏa, cách ly người bệnh, giám sát y tế tại nhà, trong đó có tỉnh Thừa Thiên Huế. Các biện pháp phòng chống dịch bệnh này làm đứt gãy chuỗi cung các mặt hàng sản xuất tại địa phương. Bên cạnh đó, rất nhiều hoạt động sản xuất khác bị đình trệ. Người dân không thể ra đồng chăm sóc cây trồng, vật nuôi và không thu hoạch đúng thời vụ, nên năng suất, sản lượng giảm và thu nhập của hộ bị ảnh hưởng đáng kể. Một số hộ có ao nuôi phải đẩy lùi thời gian thu hoạch, trong khi không thể chăm sóc, nên vừa bị hao hụt sản lượng, vừa bị giảm giá, do không đưa được sản phẩm ra chợ bán và thương lái cũng không thể vào mua tại địa phương. Ngoài ra, các hoạt động làm thuê (thợ xây dựng, phụ hồ, nghề mộc, cắt tóc), các hoạt động sản xuất kinh doanh và các dịch vụ khác của hộ như kinh doanh buôn bán ở chợ, bán hàng rong, vận chuyển khách và hàng hoá... cũng bị gián đoạn, nên không có thu nhập hoặc thu nhập rất thấp.

Gần 11% số hộ tham gia nghiên cứu cho rằng các nghề truyền thống của địa phương như chế biến thủy hải sản (làm nước mắm, mắm, ruốc, sấy khô hải sản), làm bánh tráng, đan lưới đều bị tác động do thiếu nguồn nguyên liệu. Có đến 37% số hộ đưa ra các lý do khác làm giảm thu nhập là các chi phí đời sống và sinh hoạt gia tăng, đặc biệt là chi phí chữa bệnh và phòng chống dịch. Trong đó, chi phí nhiều nhất là chi mua kit test, nước xịt sát khuẩn và khẩu trang y tế.

Bảng 4: Lý do chính làm giảm thu nhập của hộ khi đại dịch Covid-19 xảy ra.

Chi số	Tỉ lệ hộ đồng ý (n=298)
1. Không còn nhận khoản tiền gửi về	75,0
2. Giảm thu nhập từ sản xuất nông nghiệp	60,0

3.	Giảm thu nhập từ việc làm thuê	11,7
4.	Mất/ giảm thu nhập từ bán hàng, kinh doanh, bán buôn nông sản	6,7
5.	Mất/ giảm thu nhập từ các nghề đan lưới, chế biến hải sản	10,7
6.	Mất/ giảm thu nhập từ các hoạt động dịch vụ	5,7
7.	Khác	37,0

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm tác giả, năm 2022.

3.5. Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với an ninh lương thực của hộ có lao động di cư trở về

An ninh lương thực là vấn đề cấp thiết đảm bảo cuộc sống năng động, khoẻ mạnh và hiệu quả. An ninh lương thực quyết định sự phát triển tâm lý, sinh lý, sự phát triển cơ thể và sức khoẻ lâu dài của con người, đặc biệt là trẻ em (Ansah et al., 2019). Các tiêu chí về an ninh lương thực cấp hộ của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) bao gồm tính sẵn có về lương thực, tính ổn định lương thực, khả năng tiếp cận lương thực và tiêu dùng lương thực. Theo định nghĩa của tổ chức này thì an ninh lương thực là mọi người có quyền tiếp cận các thực phẩm một cách an toàn, bổ dưỡng, đầy đủ mọi lúc mọi nơi. Trước tác động của các cú sốc thiên tai, kinh tế, chính trị, dịch bệnh, an ninh lương thực thường bị đe dọa. Đại dịch Covid-19 được xem là cú sốc lớn đối với người dân trên khắp thế giới cũng như ở Việt Nam, đặc biệt sốc đối với lao động di cư ngược về quê khi đại dịch diễn biến phức tạp. Kết quả đo lường mức độ an ninh lương thực của hộ có lao động di cư ngược trong thời gian cao điểm của đại dịch Covid-19 (từ tháng 6/2021 đến tháng 2/2022) bằng bộ chỉ số và thang đo của USDA được trình bày ở bảng 5. Bảng 5 cho thấy an ninh lương thực của tất cả các hộ nghiên cứu đều bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Hộ có trẻ em bị tác động nhiều hơn hộ không có trẻ em, thể hiện qua điểm bình quân của mỗi mức và tỉ lệ hộ phân bố ở các mức khác nhau. Trên 70% số hộ không có trẻ em có mức độ mất an ninh lương thực ở mức 2 của thang đo và tỉ lệ mất an ninh lương thực ở mức 3 và 4, chiếm tỉ lệ nhỏ hơn hẳn hộ có trẻ em tương ứng - các tỉ lệ là 13,75 và 32,95% (mức 3) và 10,20 và 3,79 ở mức 4. Kết quả này khẳng định kết luận của các nghiên cứu trước đây của Reeves và cộng sự (2021), World Bank (2022) và Parekh (2021) về an ninh lương thực đối với hộ có trẻ em và hộ không có trẻ em trước các biến động bất lợi của môi trường và xã hội. Vấn đề an ninh lương thực của hộ có trẻ em thường nhạy cảm và dễ bị tổn thương hơn hộ chỉ có người trưởng thành (Reeves, A et al., 2021) và hộ có trẻ em bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 nghiêm trọng và nghiêm trọng hơn nhiều so với các hộ không có trẻ em (World Bank, 2022).

Bảng 5: Mức thiếu hụt lương thực của hộ do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Mức thiếu hụt do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19	Điểm bình quân theo thang đo của USDA		Tỉ lệ hộ (%)	
	Hộ có trẻ em (n=88)	Hộ không có trẻ em (n=210)	Hộ có trẻ em (n=88)	Hộ không có trẻ em (n=210)
Mức 1: $\leq 2,32$	1,68	0,34	19,32	12,32
Mức 2: $2,32 - \leq 4,56$	4,38	3,45	37,50	70,14
Mức 3: $4,56 - \leq 6,53$	5,44	5,43	32,95	13,75
Mức 4: $\geq 6,53$	7,02	7,01	10,23	3,79

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm tác giả, năm 2022.

Tỉ lệ rất cao (trên 70%) số hộ có lao động trở về có trẻ em. Cả trẻ theo bố mẹ về quê trong đại dịch và trẻ đã ở quê sống nhờ vào tiền bố mẹ gửi về đều bị ảnh hưởng do thu nhập của hộ giảm. Điều này

cũng cho thấy rằng hầu hết lao động trở về là những người phải gánh trách nhiệm lớn trong sinh kế của hộ gia đình ở quê. Do đó, họ rất dễ bị tác động tâm lý khi đại dịch diễn biến phức tạp và khả năng kiểm soát dịch của chính quyền các cấp không dự đoán được. Các hộ tham gia phỏng vấn đều nhận định tác động của đại dịch Covid-19 đối với an ninh lương thực của hộ chủ yếu từ việc tâm lý bị sốc, lo sợ thiếu hụt lương thực, thực phẩm khi dịch diễn biến phức tạp; lo sợ các biện pháp phòng chống dịch quyết liệt kéo dài; và mất tự tin khi khả năng quản lý dịch bệnh không rõ ràng. Ngoài ra, hầu hết các hộ có lao động di cư ít tham gia sản xuất nông nghiệp, nên lương thực, thực phẩm phụ thuộc vào thị trường. Do vậy, khi nguồn cung bị gián đoạn, giá tăng cao đã tạo ra tâm lý lo sợ và cắt giảm chi tiêu. Một chủ hộ nữ ở xã Hải Dương cho rằng: “Gia đình có con trẻ nên bị ảnh hưởng tâm lý hơn những gia đình khác. Sợ con trẻ mắc Covid-19 và không khoẻ mạnh khi dịch diễn biến phức tạp. Con trẻ cần nhiều mặt hàng thiết yếu nhưng nguồn cung hạn chế và giá cả tăng khi các lệnh phong tỏa kéo dài. Hơn nữa, thu nhập giảm nên phải cắt giảm chi tiêu, kể cả lương thực, thực phẩm vì không biết đến khi nào dịch mới thực sự được kiểm soát...”. Kết quả phân tích cũng cho thấy rằng những hộ có mức thiếu hụt lương thực ở mức 3 hoặc mức 4 là những hộ phụ thuộc lớn hoặc phụ thuộc hoàn toàn vào lao động di cư. Đặc biệt, những hộ có mức độ thiếu hụt 4 là những hộ cả gia đình quay về từ vùng dịch phía Nam, nhưng không có đất hoặc sở hữu nhà ở quê. Một số đã bán nhà và tài sản để rời quê kiếm sống và khi quay về sống phụ thuộc vào người thân quen. Do vậy, tính tổn thương sinh kế rất cao và an ninh lương thực không được đảm bảo.

Dữ liệu thứ cấp cho thấy rằng, chính quyền các cấp, các cơ quan ban ngành liên quan đã có rất nhiều giải pháp hỗ trợ cho người lao động di cư trở về trong dịch và sau dịch. Các hỗ trợ bao gồm việc đưa đón, chăm lo đời sống sinh hoạt ở khu cách ly, tổ chức các biện pháp phòng chống dịch bệnh và hỗ trợ tài chính và lương thực sau khi về địa phương. Tuy nhiên, cách thức tổ chức hỗ trợ dựa trên các tiêu chí chung do Chính phủ ban hành, nên chưa bao quát hết từng nhóm đối tượng cụ thể, như nhóm trẻ em hoặc nhóm không có nhà ở quê, nhóm không có tài sản sinh kế. Đại diện Sở Lao động và Thương binh xã hội tỉnh cho rằng: “Dịch bệnh diễn ra như một cú sốc cho toàn xã hội, việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ không thể đáp ứng kịp thời và toàn diện khi mọi lĩnh vực đều thiệt hại và tập trung cho tuyến đầu. Việc rà soát các nhóm đối tượng để ưu tiên hỗ trợ cũng đã thực hiện, tuy nhiên có thể có một số nhóm đối tượng chưa được ưu tiên ở mức phù hợp”. Vấn đề an ninh lương thực trong đại dịch Covid-19 trong nghiên cứu này cho thấy, việc triển khai hỗ trợ an ninh lương thực cho cộng đồng chịu tác động bởi các cú sốc thường là khác nhau. Cần xem xét đến các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt các nhóm hộ có trẻ em để ưu tiên.

4. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu phạm vi 298 hộ có lao động di cư trở về vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian cao điểm của đại dịch Covid-19 cho thấy rằng đại dịch đã tác động đáng kể đến thu nhập và an ninh lương thực của tất cả các hộ nghiên cứu. Đại dịch làm giảm thu nhập của hộ ở tất cả các nguồn thu. Giảm nhiều nhất là nguồn thu từ lao động làm ăn xa gửi về (75% số hộ), tiếp đến là giảm thu từ sản xuất nông nghiệp (60% số hộ) và làm thuê (11,7% số hộ). Trên 8% lao động trở về mất việc làm và gần 90% lao động giảm giờ làm, nghỉ việc không lương do ảnh hưởng của đại dịch. Trên 51% số hộ có mức thu nhập giảm từ 25% đến 50% và khoảng 33,3% hộ giảm thu nhập từ 50 đến 75% do tác động của đại dịch. An ninh lương thực của hộ cũng bị ảnh hưởng với các mức độ khác nhau tùy thuộc vào hộ có trẻ em hoặc không có trẻ em và thực trạng nguồn lực sinh kế của hộ. Hộ có trẻ em bị suy giảm an ninh lương thực nhiều hơn (ở cấp 3 và 4) so với hộ không có trẻ em, và hộ không có nguồn lực đất đai, nhà ở bị suy giảm an ninh lương thực nhiều hơn hộ có nguồn lực.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này khuyến nghị: (i) Các cơ quan, tổ chức liên quan khi thực hiện các chương trình hỗ trợ hộ dân nhằm đảm bảo an ninh lương thực trước các tác động của đại dịch cũng như các cú sốc về kinh tế, xã hội và môi trường khác, cần rà soát ưu tiên các nhóm hộ có trẻ em, đặc biệt là các hộ ít nguồn lực sinh kế và phụ thuộc lớn vào nguồn tiền từ lao động làm ăn xa gửi về; (ii) Cần có các nghiên cứu nhằm xác định hoạt động sinh kế thích ứng cho các nhóm hộ dễ bị tổn thương do phụ thuộc lao động di cư và nhóm hộ có lao động di cư trở về; (iii) Cần nghiên cứu và phát triển các dịch vụ việc làm hấp dẫn tại địa phương để thu hút lực lượng lao động nông thôn ở lại quê, tránh rủi ro sinh kế khi di cư đến các thành phố lớn; (iv) Truyền thông nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề và kỹ năng sống đối với lao động di cư.

Tài liệu tham khảo

1. Bôi, N. V. Q., and Kiều, Đ. T. T. (2012), “Áp dụng chỉ số tổn thương trong nghiên cứu sinh kế - Trường hợp xã Đào Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam”, Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*.
2. Nguyễn Ngọc Truyền, Trần Cao Úy và Nguyễn Việt Tuấn (2021), “Đa dạng sinh kế với khả năng phục hồi sau sự cố ô nhiễm môi trường biển Formosa 2016 đối với ngư dân khai thác thủy sản gần bờ tỉnh Thừa Thiên Huế”, Tạp chí *Khoa học Đại học Huế*, số 4.
3. Ansah, I. G. K., Gardebreek, C., and Ihle, R. (2019), “Resilience and Household Food Security: A Review of Concepts, Methodological Approaches And Empirical Evidence”, *Food Security* 11, 1187-1203.
4. Balana, B.B., M.A. Oyeyemi, A.I. Ogunniyi, A. Fasant, H. Edeh, I. Aiki and K.S. Andam (2020), The Effects of Covid-19 Policies on Livelihoods and Food Security of Smallholder Farm Housholds in Nigeria, Descriptive Results from A Phone Survey, IFPRI discussion paper 01979: 34.
5. Dai, X., Wu, Z., Fan, Y., Li, B., Yang, Z., Nan, B., and Bi, X. (2020), Characteristics and Determinants of Livelihood Diversification of Different Household Types in Far Northwestern China, *Sustainability* 12, 64.
6. Gary, B., Mark, N., Cristofer, P., William, H., and John, C. (2000), Guide to Measuring Household Food Security United States Department of Agriculture (USDA), Washington, DC 20250-9410.
7. Parekh, N., Ali, S. H., O’Connor, J., Tozan, Y., Jones, A. M., Capasso, A., Foreman, J., and DiClemente, R. J. (2021), “Food Insecurity among Households with Children during The Covid-19 Pandemic: Results from A Study among Social Media Users across The United States”, *Nutrition Journal* 20, 73.
8. Reeves, A., Loopstra, R., and Tarasuk, V. (2021), “Family Policy And Food Insecurity: An Observational Analysis in 142 Countries”, *The Lancet Planetary Health* 5, e506-e513.
9. Yazdanpanah, Masoud, Maryam Tajeri Moghadam, Moslem Savari, Tahereh Zobeidi, Stefan Sieber and Katharina Löhr(2021), “The Impact of Livelihood Assets on The Food Security of Farmers in Southern Iran during The Covid-19 Pandemic”, *International Journal of Environmental Research and Public Health* 18: 5310.
10. JICA - *Japan International Cooperation Agency* and NEU - *National Economics University* (2020), “Đánh giá các chính sách ứng phó với Covid-19 và các khuyến nghị”, https://www.jica.go.jp/vietnam/vietnamese/office/topics/c8h0vm00009crmm6-att/210305_01_vn.pdf, truy cập ngày 16/6/2022.
11. UNDP Việt Nam (2020), “Đánh giá tác động kinh tế xã hội của đại dịch Covid-19 đối với hộ gia đình và doanh nghiệp dễ bị tổn thương ở Việt Nam - Phân tích có tính tới yếu tố giới”, https://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/_covid-19-socio-economic-impact-on-vulnerable-households-and-ent.html?fbclid=IwAR1gmZGc9af1beFMwvkvOEV5n9Gjao06LrDnUHsGG2au6iW8HyZ0jhyXcxrU, truy cập ngày 15/5/2022.

12. United Nations Vietnam (2020), “Phân tích của Liên Hợp Quốc về tác động xã hội của đại dịch Covid-19 đối với Việt Nam và các khuyến nghị chính sách chiến lược”, <https://www.unicef.org/vietnam/media/6006/file/Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20c%E1%BB%A7a%20LHQ%20v%E1%BB%81%20t%C3%A1c%20%C4%91%E1%BB%99ng%20x%C3%A3%20h%E1%BB%99i%20c%E1%BB%A7a%20%C4%91%E1%BA%A1i%20d%E1%BB%8Bch%20COVID-19.pdf>, truy cập ngày 13/8/2021.
13. Paul, A., T.K. Nath, J. Mahanta, N.N. Sultana, A.S.M. I. Kayes, S.J. Noon, M.A. Javed, S. Podder and S. Paul (2021), “Psychological and livelihood impacts of Covid-19 impacts on Bangladeshi lower income people Asia”, *Pacific Journal of Public Health* 33, <https://doi.org.10.1177/101053952097730>, truy cập ngày 15/5/2022.
14. FAO (2020), Covid-19 and Rural Poverty: Supporting and Protecting The Rural Poor in Times of Pandemic, <https://www.fao.org/3/ca8824en/CA8824EN.pdf>, truy cập ngày 15/5/2022.
15. Muller, J.T., K. Mc Connell, P.B. Burow, K. Pofahl, A.A. Merdjanoff and J. Farrell (2021), “Impacts of the Covid-19 pandemic on rural America”, *Proceedings of the National Academy of Sciences*, Vol. 118, <https://doi.org/10.1073/pnas.2019378118>, truy cập ngày 15/5/2022.
16. OECD (2020), Covid-19 And The Food And Agriculture Sector: Issue And Policy Responses, 12 pages, <https://www.oecd.org/coronavirus/policy-responses/covid-19-and-the-food-and-agriculture-sector-issues-and-policy-responses-a23f764b/>, truy cập ngày 15/5/2022.
17. Huynh Thi Anh Phuong, Le Duc Ngoan, Le Thi Hoa Sen and Nguyen Xuan Hong (2021), “Vulnerability of Fishery-Based Livelihoods to Climate Change in Coastal Communities in Central Vietnam”, *Journal of Coastal Management*, <https://doi.org/10.1080/08920753.2021.1899927>, truy cập ngày 15/5/2022.
18. Truong Van Tuyen, Melissa Marschke, Nguyen Viet Tuan, Georgina Alonso, Mark Andrachuck and Le Thi Hong Phuong (2021), “Household recovery from disaster: insights from Vietnam’s fish kill”, *Environmental Hazards*, <https://doi.org/10.1080/17477891.2021.1873098>, truy cập ngày 15/5/2022.
19. World Bank (2022), Two-thirds of Households with Children Have Lost Income during Pandemic, Press Release No: 2022/048/EFI, <https://www.worldbank.org/en/news/press-release/2022/03/10/two-thirds-of-households-with-children-have-lost-income-during-pandemic>, truy cập ngày 26/6/2022.